

Số: 775 /QĐ-GDĐT

Cần Giờ, ngày 20 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao bổ sung dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2021

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN CẦN GIỜ

Căn cứ Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về thành lập Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện;

Căn cứ Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ;

Căn cứ Quyết định số 2918/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện về giao dự toán thu - chi ngân sách nhà nước các đơn vị hành chính - sự nghiệp huyện năm 2021

Căn cứ Quyết định số 1043/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện về giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước các đơn vị hành chính - sự nghiệp huyện năm 2021;

Căn cứ Thông báo số 2041/TB-TCKH ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện về kết quả thẩm tra phân bổ dự toán thu - chi NSNN ngành giáo dục năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc phòng Giáo dục và Đào tạo Cần Giờ cụ thể như sau:

- Tiền miễn, giảm học phí HKII năm học 2020-2021: 185.835.000 đồng

- Tiền miễn, giảm học buổi 2/ngày HKII năm học 2020-2021: 413.550.000 đồng

Tiền miễn, giảm tiền hỗ trợ chi phí học tập HKII năm học 2020-2021: 158.800.000 đồng

Tiền ăn trưa HKI năm học 2020-2021: 68.800.000 đồng

Tiền ăn trưa HKII năm học 2020-2021: 21.120.000 đồng

Tổng cộng: 848.105.000 đồng (Tám trăm bốn mươi tám triệu một trăm lẻ năm ngàn đồng)

(Đính kèm phụ lục)

Điều 2. Căn cứ dự toán bổ sung chi NSNN năm 2021 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính - Kế hoạch Cần Giờ;
- Kho bạc nhà nước Cần Giờ;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu: VT, TV.

TRƯỞNG PHÒNG

Võ Thị Diễm Phượng

PHỤ LỤC SỐ 01

BẢNG BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Đính kèm Quyết định số .../775...../QĐ-GĐĐT ngày 20/1/2021 của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

PHẦN CHI DO NSNN CẤP														
Chương, loại, khoản.	ĐVSĐNS	NỘI DUNG	Tổng cộng	Kinh phí tự chủ			Kinh phí không tự chủ						GHI CHÚ	
				Cộng	Mã nguồn 13	Mã nguồn 14	Cộng	Mã nguồn 12 - Chi phí học tập HKII năm học 2020-2021	Mã nguồn 12 - Miễn, giảm học phí HKII năm học 2020-2021	Mã nguồn 12 - Miễn, giảm buổi/ ngày HKII năm học 2020-2021	Mã nguồn 12 - Hỗ trợ ăn trưa HKII năm học 2020-2021	Mã nguồn 12 - Hỗ trợ ăn trưa HKI năm học 2020-2021		Mã nguồn 14
622.070.071	1035487	Trường Mầm non Thạnh An	49,140,000	0			49,140,000	1,800,000	41,580,000	0	2,880,000	2,880,000		
622.070.071	1035515	Trường Mầm non Cần Thạnh	7,120,000	0			7,120,000	300,000	5,700,000	0	480,000	640,000		
622.070.071	1035513	Trường Mầm non Cần Thạnh	6,030,000	0			6,030,000	600,000	2,550,000	0	960,000	1,920,000		
622.070.071	1035437	Trường Mầm non Long Hòa	5,780,000	0			5,780,000	0	2,580,000	0	0	3,200,000		
622.070.071	1124815	Trường Mầm non Đồng Tranh	1,900,000	0			1,900,000	0	1,260,000	0	0	640,000		
622.070.071	1110159	Trường Mầm non Dơi lâu	30,010,000	0			30,010,000	3,900,000	10,110,000	0	5,760,000	10,240,000		
622.070.071	1035489	Trường Mầm non Lý Nhơn	9,930,000	0			9,930,000	900,000	3,750,000	0	1,440,000	3,840,000		
622.070.071	1036948	Trường Mầm non An Thới Đê	25,390,000	0			25,390,000	2,400,000	8,910,000	0	3,840,000	10,240,000		
622.070.071	1035490	Trường Mầm non Tam Thôn H	8,940,000	0			8,940,000	600,000	2,580,000	0	960,000	4,800,000		
622.070.071	1035510	Trường Mầm non Bình Khánh	27,460,000	0			27,460,000	2,100,000	8,880,000	0	3,360,000	13,120,000		
622.070.071	1110357	Trường Mầm non Bình an	28,560,000	0			28,560,000	1,200,000	8,640,000	0	1,440,000	17,280,000		
		Cộng 071	200,260,000	0	0	0	200,260,000	13,800,000	96,540,000	0	21,120,000	68,800,000	0	0
622.070.072	1036947	Trường Tiểu học Thạnh An	69,510,000	0			69,510,000	6,300,000	0	63,210,000	0	0		
622.070.072	1035517	Trường Tiểu học Cần Thạnh	16,170,000	0			16,170,000	4,200,000	0	11,970,000	0	0		
622.070.072	1127076	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	8,415,000				8,415,000	1,800,000	0	6,615,000	0	0		

PHẦN CHI DO NSNN CẤP														GHI CHÚ
Chương, loại, khoản.	Mã DVSDNS	NỘI DUNG	Tổng cộng	Kinh phí tự chủ			Kinh phí không tự chủ							
				Cộng	Mã nguồn 13	Mã nguồn 14	Cộng	Mã nguồn 12 - Chi phí học tập HKII năm học 2020-2021	Mã nguồn 12 - Miễn, giảm học phí HKII năm học 2020-2021	Mã nguồn 12 - Miễn, giảm 2 buổi/ ngày HKII năm học 2020-2021	Mã nguồn 12 - Hỗ trợ ăn trưa HKII năm học 2020-2021	Mã nguồn 12 - Hỗ trợ ăn trưa HKI năm học 2020-2021	Mã nguồn 14	
622.070.072	1035485	Trường Tiểu học Hòa Hiệp	12,045,000	0			12,045,000	2,700,000	0	9,345,000	0	0		
622.070.072	1035486	Trường Tiểu học Long Thành	2,805,000	0			2,805,000	600,000	0	2,205,000	0	0		
622.070.072	1035438	Trường Tiểu học Đồng Hòa	5,895,000	0			5,895,000	1,800,000	0	4,095,000	0	0		
622.070.072	1035429	Trường Tiểu học Doi Lầu	18,900,000	0			18,900,000	6,300,000	0	12,600,000	0	0		
622.070.072	1035436	Trường Tiểu học Vàm Sát	9,000,000	0			9,000,000	2,700,000	0	6,300,000	0	0		
622.070.072	1035491	Trường Tiểu học Lý Nhơn	8,205,000	0			8,205,000	1,800,000	0	6,405,000	0	0		
622.070.072	1035564	Trường T. học An Thới Đông	33,435,000	0			33,435,000	11,700,000	0	21,735,000	0	0		
622.070.072	1035435	Trường Tiểu học An Nghĩa	25,200,000	0			25,200,000	8,400,000	0	16,800,000	0	0		
622.070.072	1035492	Trường T. học Tam Thôn Hiệp	13,515,000	0			13,515,000	4,800,000	0	8,715,000	0	0		
622.070.072	1035484	Trường Tiểu học Bình Thạnh	8,790,000	0			8,790,000	600,000	0	8,190,000	0	0		
622.070.072	1035434	Trường Tiểu học Bình Phước	24,660,000	0			24,660,000	4,500,000	0	20,160,000	0	0		
622.070.072	1035519	Trường Tiểu học Bình Khánh	35,115,000	0			35,115,000	9,600,000	0	25,515,000	0	0		
622.070.072	1035439	Trường Tiểu học Bình Mỹ	8,970,000	0			8,970,000	1,200,000	0	7,770,000	0	0		

PHẦN CHI DO NSNN CẤP														
Chương, loại, khoản.	Mã ĐVSĐNS	NỘI DUNG	Tổng cộng	Kinh phí tự chủ			Kinh phí không tự chủ							GHI CHÚ
				Cộng	Mã nguồn 13	Mã nguồn 14	Cộng	Mã nguồn 12 - Chi phí học tập HKII năm học 2020-2021	Mã nguồn 12 - Miễn, giảm học phí HKII năm học 2020-2021	Mã nguồn 12 - Miễn, giảm 2 buổi/ ngày HKII năm học 2020-2021	Mã nguồn 12 - Hỗ trợ ăn trưa HKII năm học 2020-2021	Mã nguồn 12 - Hỗ trợ ăn trưa HKI năm học 2020-2021	Mã nguồn 14	
		Cộng 072	300,630,000	0	0	0	300,630,000	69,000,000	0	231,630,000	0	0	0	0
622.070.073	1035431	Trường THCS Cần thành	43,920,000	0			43,920,000	9,600,000	11,280,000	23,040,000	0	0	0	
622.070.073	1035518	Trường THCS Long hòa	28,365,000	0			28,365,000	6,400,000	7,245,000	14,720,000	0	0	0	
622.070.073	1030029	Trường THCS Doi lâu	37,545,000	0			37,545,000	10,100,000	9,045,000	18,400,000	0	0	0	
622.070.073	1035493	Trường THCS Lý nhơn	15,830,000	0			15,830,000	2,600,000	4,350,000	8,880,000	0	0	0	
622.070.073	1035516	Trường THCS An Thới Đông	94,390,000	0			94,390,000	28,200,000	21,750,000	44,440,000	0	0	0	
622.070.073	1035495	Trường THCS Tam thôn hiệp	18,665,000	0			18,665,000	4,200,000	4,785,000	9,680,000	0	0	0	
622.070.073	1035430	Trường THCS Bình Khánh	108,500,000	0			108,500,000	14,900,000	30,840,000	62,760,000	0	0	0	
		Cộng 073	347,215,000	0	0	0	347,215,000	76,000,000	89,295,000	181,920,000	0	0	0	0
		Tổng cộng	848,105,000	0	0	0	848,105,000	158,800,000	185,835,000	413,550,000	21,120,000	68,800,000	0	0





PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON THẠNH AN
Mã số ĐVSDNS: 1035487

Kèm theo quyết định số 775 /QĐ-GDDT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn	NỘI DUNG	Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	49.140.000	
622.070.071	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	49.140.000	Hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm học phí HKII năm học 2020-2021; tiền ăn trưa năm học 2020-2021
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	49.140.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		

PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON CẦN THẠNH

Mã số ĐVSDNS: 1035515

Kèm theo quyết định số 775 /QĐ-GDDT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ
 Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn	NỘI DUNG	Tổng số	Ghi chú
		II- Dự toán chi NSNN	7.120.000	
622.070.071	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	7.120.000	Hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm học phí HKII năm học 2020-2021; tiền ăn trưa năm học 2020-2021
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	7.120.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		

PHỤ LỤC SỐ 02

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON CẦN THÀNH 2

Mã số ĐVSDNS: 1035513

Kèm theo quyết định số 775 /QĐ-GDDT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	6.030.000	
622.070.071	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	6.030.000	Hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm học phí HKII năm học 2020-2021; tiền ăn trưa năm học 2020-2021
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	6.030.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON LONG HÒA

Mã số ĐVSDNS: 1035437

(Kèm theo quyết định số 775 /QĐ-GDDT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)
Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	5.780.000	
622.070.071	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	5.780.000	Hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm học phí HKII năm học 2020-2021; tiền ăn trưa năm học 2020-2021
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	5.780.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON ĐỒNG TRANH
Mã số ĐVSDNS: 1124815

Kèm theo quyết định số 775 /QĐ-GDDĐT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc
Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	1.900.000	
622.070.071	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	1.900.000	Hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm học phí HKII năm học 2020-2021; tiền ăn trưa năm học 2020-2021
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	1.900.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		

PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON ĐOI LẦU

Mã số ĐVSDNS: 1110159



(Kèm theo quyết định số 775 /QĐ-GDDT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		II- Dự toán chi NSNN	30.010.000	
622.070.071	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	30.010.000	Hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm học phí HKII năm học 2020-2021; tiền ăn trưa năm học 2020-2021
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	30.010.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		

PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON LÝ NHƠN

Mã số ĐVSDNS: 1035489

(Kèm theo quyết định số 775 /QĐ-GDDT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	9.930.000	
622.070.071	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	9.930.000	Hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm học phí HKII năm học 2020-2021; tiền ăn trưa năm học 2020-2021
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	9.930.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		

PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON AN THỚI ĐÔNG

Mã số ĐVSDNS: 1036948



Kèm theo quyết định số 775 /QĐ-GDDT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc
 Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	25.390.000	
622.070.071	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	25.390.000	Hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm học phí HKII năm học 2020-2021; tiền ăn trưa năm học 2020-2021
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	25.390.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON TAM THÔN HIỆP
Mã số ĐVSDNS: 1035490

(Kèm theo quyết định số 775 /QĐ-GDDT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	8.940.000	
622.070.071	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	8.940.000	Hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm học phí HKII năm học 2020-2021; tiền ăn trưa năm học 2020-2021
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	8.940.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON BÌNH KHÁNH

Mã số ĐVSDNS: 1035510

(Kèm theo quyết định số 775 /QĐ-GDDT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)
Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	27.460.000	
622.070.071	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	27.460.000	Hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm học phí HKII năm học 2020-2021; tiền ăn trưa năm học 2020-2021
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	27.460.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON BÌNH AN

Mã số ĐVSDNS: 1110357

(Kèm theo quyết định số 775 /QĐ-GDDT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	28.560.000	
622.070.071	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	28.560.000	Hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm học phí HKII năm học 2020-2021; tiền ăn trưa năm học 2020-2021
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	28.560.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		

PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC THẠNH AN

Mã số ĐVSDNS: 1036947

(Kèm theo quyết định số 775 /QĐ-GDDT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ
Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	69.510.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	69.510.000	Hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm 2 buổi/ngày HKII năm học 2020-2021
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	69.510.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC CẦN THẠNH
Mã số ĐVSDNS: 1035517

(Kèm theo quyết định số 775 /QĐ-GDDT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	16.170.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	16.170.000	Hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm 2 buổi/ngày HKII năm học 2020-2021
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	16.170.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC CẦN THẠNH 2

Mã số ĐVSDNS: 1127076

(Kèm theo quyết định số 775 /QĐ-GDDT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc.
Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		II- Dự toán chi NSNN	8.415.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	8.415.000	Hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm 2 buổi/ngày HKII năm học 2020-2021
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	8.415.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC HÒA HIỆP

Mã số ĐVSDNS: 1035485

Kèm theo quyết định số 775 /QĐ-GDDT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	12.045.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	12.045.000	Hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm 2 buổi/ngày HKII năm học 2020-2021
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	12.045.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC LONG THẠNH
Mã số ĐVSDNS: 1035486

(Kèm theo quyết định số 775 /QĐ-GDDT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ
Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		II- Dự toán chi NSNN	2.805.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	2.805.000	Hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm 2 buổi/ngày HKII năm học 2020-2021
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	2.805.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐỒNG HÒA

Mã số ĐVSDNS: 1035438

(Kèm theo quyết định số 775 /QĐ-GDDT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	5.895.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	5.895.000	Hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm 2 buổi/ngày HKII năm học 2020-2021
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	5.895.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC DOI LẦU

Mã số ĐVSDNS: 1035429

(Kèm theo quyết định số 775 /QĐ-GĐĐT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ.
Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	18.900.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	18.900.000	Hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm 2 buổi/ngày HKII năm học 2020-2021
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	18.900.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀM SÁT

Mã số ĐVSDNS: 1035436

(Kèm theo quyết định số 775 /QĐ-GDDT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giỏi)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	9.000.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	9.000.000	Hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm 2 buổi/ngày HKII năm học 2020-2021
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	9.000.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		

PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ NHƠN

Mã số ĐVSDNS: 1035491

(Kèm theo quyết định số 775 /QĐ-GDDT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ.

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	8.205.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	8.205.000	Hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm 2 buổi/ngày HKII năm học 2020-2021
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	8.205.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		

PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THỚI ĐÔNG
Mã số ĐVSDNS: 1035564

(Kèm theo quyết định số 775 /QĐ-GDDT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	33.435.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	33.435.000	Hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm 2 buổi/ngày HKII năm học 2020-2021
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	33.435.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC AN NGHĨA

Mã số ĐVSDNS: 1035435

(Kèm theo quyết định số 775 /QĐ-GDDT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	25.200.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	25.200.000	Hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm 2 buổi/ngày HKII năm học 2020-2021
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	25.200.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC TAM THÔN HIỆP

Mã số ĐVSDNS: 1035492

(Kèm theo quyết định số 775 /QĐ-GDDT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	13.515.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	13.515.000	Hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm 2 buổi/ngày HKII năm học 2020-2021
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	13.515.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC BÌNH THẠNH

Mã số ĐVSDNS: 1035484

(Kèm theo quyết định số 775 /QĐ-GDDT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)
Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	8.790.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	8.790.000	Hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm 2 buổi/ngày HKII năm học 2020-2021
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	8.790.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC BÌNH PHƯỚC
Mã số ĐVSDNS: 1035434

(Kèm theo quyết định số 775 /QĐ-GDDT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	24.660.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	24.660.000	Hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm 2 buổi/ngày HKII năm học 2020-2021
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	24.660.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC BÌNH KHÁNH

Mã số ĐVSDNS: 1035519

(Kèm theo quyết định số 775 /QĐ-GDDT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ
Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		II- Dự toán chi NSNN	35.115.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	35.115.000	Hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm 2 buổi/ngày HKII năm học 2020-2021
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	35.115.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC BÌNH MỸ

Mã số ĐVSDNS: 1035439

(Kèm theo quyết định số 775 /QĐ-GDDT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	8.970.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	8.970.000	Hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm 2 buổi/ngày HKII năm học 2020-2021
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	8.970.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021

Đơn vị: **TRƯỜNG THCS CẦN THẠNH**

Mã số ĐVSDNS: 1035431

(Kèm theo quyết định số 775 /QĐ-GDDT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)
Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	43.920.000	
622.070.073	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.073		Kinh phí không thực hiện tự chủ	43.920.000	Hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm học phí, 2 buổi/ngày HKII năm học 2020-2021
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	43.920.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021

Đơn vị: **TRƯỜNG THCS LONG HÒA**

Mã số ĐVSDNS: 1035518

(Kèm theo quyết định số 775 /QĐ-GDDT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	28.365.000	
622.070.073	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.073		Kinh phí không thực hiện tự chủ	28.365.000	Hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm học phí, 2 buổi/ngày HKII năm học 2020-2021
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	28.365.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021

Đơn vị: **TRƯỜNG THCS ĐOI LẦU**

Mã số ĐVSDNS: 1030029

(Kèm theo quyết định số 775 /QĐ-GDĐT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)
Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	37.545.000	
622.070.073	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.073		Kinh phí không thực hiện tự chủ	37.545.000	Hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm học phí, 2 buổi/ngày HKII năm học 2020-2021
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	37.545.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021

Đơn vị: TRƯỜNG THCS LÝ NHƠN

Mã số ĐVSDNS: 1035493

(Kèm theo quyết định số 775 /QĐ-GDDT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	15.830.000	
622.070.073	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.073		Kinh phí không thực hiện tự chủ	15.830.000	Hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm học phí, 2 buổi/ngày HKII năm học 2020-2021
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	15.830.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021
Đơn vị: TRƯỜNG THCS AN THỚI ĐÔNG
Mã số ĐVSDNS: 1035516

(Kèm theo quyết định số 775 /QĐ-GDDT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ
Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	94.390.000	
622.070.073	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.073		Kinh phí không thực hiện tự chủ	94.390.000	Hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm học phí, 2 buổi/ngày HKII năm học 2020-2021
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	94.390.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021

Đơn vị: TRƯỜNG THCS TAM THÔN HIỆP

Mã số ĐVSDNS: 1035495

(Kèm theo quyết định số 775 /QB-GDDT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	18.665.000	
622.070.073	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.073		Kinh phí không thực hiện tự chủ	18.665.000	Hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm học phí, 2 buổi/ngày HKII năm học 2020-2021
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	18.665.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021

Đơn vị: TRƯỜNG THCS BÌNH KHÁNH

Mã số ĐVSDNS: 1035430

(Kèm theo quyết định số 775 /QĐ-GDDT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	108.500.000	
622.070.073	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.073		Kinh phí không thực hiện tự chủ	108.500.000	Hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm học phí, 2 buổi/ngày HKII năm học 2020-2021
	12	+ Kinh phí chi thường xuyên	108.500.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		